**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN 10**

**(Thời gian làm bài: 90 phút)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề / Nội dung** | | **Mức độ** | | | **Tổng số** |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| **Đọc hiểu** | Văn bản thơ (tương đương thể thơ, đề tài với các văn bản ở Bài 2 trong SGK) |  Xác định thể thơ của bài thơ/đoạn thơ.   Nhận biết đối tượng miêu tả và châm biếm trong bài thơ.   Chỉ ra bố cục của bài thơ.   Nhận biết phép đối được sử dụng trong bài thơ. |  Giải nghĩa từ ngữ trong bài thơ.   Nêu nội dung của một số câu thơ.   Nêu đặc điểm/tâm trạng của của nhân vật trữ tình trong bài thơ. |  Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.   Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc. |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** | **4**  **2,0**  **20%** | **4**  **2,0**  **20%** | **2**  **1,0**  **10%** | **10**  **5,0**  **50%** |
| **Viết** | Viết bài văn nghị luận văn học |  |  | Viết bài văn nghị luận về một bài thơ |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  | **1**  **5,0**  **50%** | **1**  **5,0**  **50%** |
| **Tổng số** |  | **4**  **2,0**  **20%** | **4**  **2,0**  **20%** | **3**  **6,0**  **60%** | **11**  **10**  **100%** |
| **Chú thích:**   Mức độ đánh giá: chia làm 3 mức độ theo yêu cầu về KTĐG của CT Ngữ văn 2018 (biết, hiểu, vận dụng)   Các chuẩn / tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động đọc hiểu: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của đọc hiểu văn bản thơ trong CT Ngữ văn 2018 và SGK *Ngữ văn 10* – Bộ Cánh Diều (Bài 2).   Các tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động viết: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của hoạt động viết trong CT Ngữ văn 2018 và SGK *Ngữ văn 10* – Bộ Cánh Diều (Bài 1).   Thang điểm: 10. | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT…………  **TRƯỜNG………………….**  *(Đề thi gồm có … trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: *NGỮ VĂN 10***  *(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

**Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**

***Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:***

**VỊNH TIẾN SĨ GIẤY (BÀI 2)**

*Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai.*

*Cũng gọi ông nghè có kém ai.*

*Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng(1),*

*Nét son điểm rõ mặt văn khôi(2).*

*Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?*

*Cái giá khoa danh ấy mới hời(3)!*

*Ghế tréo, lọng xanh ngồi bảnh choẹ,*

*Nghĩ rằng đồ thật, hoá đồ chơi!*

(Nguyễn Khuyến, Dẫn theo <https://www.thivien.net>)

*(1) giáp bảng: bảng đề tên từ học vị Tiến sĩ trở lên.*

*(2) văn khôi: đầu làng văn. Ở đây chỉ người đỗ đạt cao.*

*(3) hời: giá rẻ.*

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:***

**Câu 1.** Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú Đường luật

B. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

C. Ngũ ngôn bát cú Đường luật

D. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

**Câu 2.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)

B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)

C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)

D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối)

**Câu 3.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 – 2 và 3 – 4

B. 3 – 4 và 5 – 6

C. 5 – 6 và 7 – 8

D. 1 – 2 và 7 – 8

**Câu 4.** Trường hợp nào không phải là đối tượng miêu tả và châm biếm trong bài thơ?

A. Những người đỗ tiến sĩ bằng tài năng thực sự và đem cái tài của mình ra phục vụ cho đất nước.

B. Chính con người tác giả với thân phận éo le và tình cảnh trớ trêu của ông.

C. Những đồ chơi hình ông tiến sĩ làm bằng giấy cùng một ít phẩm màu xanh đỏ, dành cho trẻ em trong dịp tết Trung thu.

D. Những kẻ mang danh khoa bảng mà không có thực chất, luôn vênh vang không biết liêm sỉ.

**Câu 5.** Nét nghĩa nào phù hợp với từ “cũng” (được lặp lại bốn lần) trong hai câu đầu bài *Vịnh tiến sĩ giấy* của Nguyễn Khuyến?

A. Như mọi trường hợp thông thường, mặc dù hoàn cảnh, điều kiện trong trường hợp nêu ra là khác thường.

B. Như những trường hợp tương tự, theo nhận định chủ quan của người nói (dùng để làm cho lời nói bớt vẻ khẳng định).

C. Đồng thời diễn ra trong một hoàn cảnh, điều kiện.

D. Không khác, so với trường hợp nêu ra hoặc so với những trường hợp thông thường, hay là với trước kia.

**Câu 6.** Hàm ý của hai câu thực trong bài thơ là gì?

A. Nói về sự màu mè, lòe loẹt của những ông “tiến sĩ đồ chơi”.

B. Nói về sự sang trọng, quý phái của những ông nghè “thật”.

C. Nói về giá trị xoàng xĩnh của những ông nghè “thật”.

D. Nói về sự danh giá, cao quý của những ông nghè “thật”.

**Câu 7.** Nội dung của câu thơ kết bài là gì?

A. Tác giả cho rằng những ông nghè thật chỉ đáng là đồ chơi cho trẻ con.

B. Nêu lên một phát hiện của nhà thơ về bản chất của những ông tiến sĩ giấy.

C. Nêu lên sự nhầm lẫn của tác giả khi quan sát những ông tiến sĩ giấy.

D. Tác giả lột trần thực chất trống rỗng của những người mua danh ông nghè.

**Câu 8.** Nhận định nào không đúng mục đích của tác giả Nguyễn Khuyến khi sáng tác bài thơ?

A. Tự cười về sự bất lực của mình trước những đòi hỏi của thời cuộc.

B. Châm biếm, phê phán tệ mua quan bán tước đương thời.

C. Chỉ ra mâu thuẫn giữa cái danh và cái thực trong những ông tiến sĩ thật.

D. Phê phán việc triều đình bấy giờ không chọn đúng người hiền tài.

**Câu 9.** Qua bài thơ, anh / chị cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Khuyến? Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng.

**Câu 10.** Từ bài thơ, anh/ chị rút ra được bài học gì cho bản thân? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

**Phần II. Viết (5,0 điểm)**

Trình bày cảm nhận của anh/ chị về văn bản “Vịnh tiến sĩ giấy” (bài 2) của Nguyễn Khuyến?

----- Hết -----

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIÊM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: *NGỮ VĂN***

**Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Đáp án: 1 – A, 2 – C, 3 – B, 4 – A, 5 – D, 6 – C, 7 – D, 8 – D.

**Câu 9.** HS nêu suy nghĩ của cá nhân, viết đúng dung lượng. Qua bài thơ, Nguyễn Khuyến hiện lên là người có tấm lòng yêu nước thương dân, có trách nhiệm với dân, với nước. Bởi vậy ông luôn đau đớn, trăn trở trước những vấn nạn của xã hội đồng thời nhà thơ cũng luôn cảm thấy băn khoăn, day dứt vì mình cũng là một tiến sĩ giấy, không làm được điều gì có ích cho dân, cho nước.

**Câu 10.** HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, có lí giải hợp lí, viết đúng dung lượng. Bài thơ đã mang đến cho người đọc những suy nghĩ sâu sắc về cái danh và cái thực, về thái độ cần có của người có học trong thời cuộc. Sống ở trên đời không nên coi trọng hư danh. Điều quan trọng là làm được gì có ích cho đời chứ không nên theo đuổi hư danh hão huyền. Người có học phải ý thức được vị trí và trách nhiệm của mình trước cuộc đời. Phải sống sao để không trở thành kẻ vô tích sự với cuộc đời.

**Phần II. Viết (5,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| ***a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ***  Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. | 0.25 |
| ***b.*** ***Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:***Cảm nhận về bài thơ “Vịnh tiến sĩ giấy (bài 2) | 0.25 |
| ***c.*** **Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:  ***\* Khái quát về tác giả, tác phẩm.*** | 0.25 |
| ***\* Cảm nhận về nội dung:***  - Hai câu thơ đề, tác giả đã giới thiệu một món đồ chơi của trẻ em trong sự mô phỏng và so sánh với những ông tiến sĩ thật ngoài đời: *cũng cờ*, *cũng biển*, *cũng cân đai*, *cũng gọi ông nghè*.  -> Điệp từ “cũng” xuất hiện bốn lần, mục đích:  + tác giả đang ngợi khen bộ đồ chơi được chế tác với đầy đủ bộ lễ giống như thật.  + tác giả thể hiện sự mỉa mai đối với những ông nghè thật - thật mà giả.  - Ở hai câu thơ luận, tác giả miêu tả về chất liệu làm nên những ông tiến sĩ giấy:  + Thủ pháp đối lập đã được vận dụng một cách tối đa: *Mảnh giấy, nét son*– những thứ thật đơn giản, nhỏ bé được đặt cạnh những thứ rất trang trọng: *Thân giáp bảng, mặt văn khôi*.  + Những sự vật đối lập nhau được đặt trong một kết cấu song hành: *“mảnh giấy- thân giáp bảng”, “nét son- mặt văn khôi”.*  -> qua đó thể hiện tính chất rẻ mạt, vô nghĩa của danh hiệu tiến sĩ thực của thời cuối phong kiến đầu thực dân.  - Ở hai câu thơ luận:  + Giọng thơ từ mỉa mai chuyển sang ngậm ngùi.  + Các cụm từ giàu sắc thái biểu cảm như “sao mà nhẹ”, “thế mới hời” đã khẳng định giá trị rẻ mạt của ông nghè khi mang ra để cân đong đo đếm.  - Hai câu thơ cuối: nghệ thuật đối lập vạch trần bộ mặt thật của những ông tiến sĩ đương thời:  + dáng vẻ bề ngoài oai vệ: *ghế chéo, lọng xanh ngồi bảnh chọe*.  + bên trong: *đồ chơi*  **\* Đặc sắc nghệ thuật:**  - Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật: đối, điệp từ  - Ngôn ngữ thơ đa nghĩa, biến hóa linh hoạt; giọng điệu phong phú khi lạnh lùng khi chua chát  **\* Đánh giá**  - Ông tiến sĩ giấy trong bài thơ trở thành hình ảnh ẩn dụ biểu trưng cho những con người vinh danh khoa bảng “hữu danh vô thực”.  - Thông qua việc vịnh một món đồ chơi, nhà thơ đã vạch trần bản chất giả dối của đối tượng bằng cách chỉ ra mâu thuẫn giữa hình thức bề ngoài lộng lẫy, hào nhoáng được che giấu hết sức tinh vi và cái thực chất bên trong sáo rỗng, đáng thương hại của nhân vật.  - Bài thơ còn là lời tự trào của chính Nguyễn Khuyến. Nguyễn Khuyến cũng là tiến sĩ, ông đã phải cáo quan về quê sống cuộc sống thanh nhàn để giữ trọn khí tiết của nhà nho nhưng vẫn canh cánh trong lòng nỗi niềm dân tộc. Ông đã từng bao năm dùi mài kinh sử, từng ôm mộng khoa danh để phò vua giúp đời. Nhưng thời cuộc đã đẩy ông vào tình trạng bất lực. Nhìn thời thế đảo điên, chứng kiến bao nhiêu điều ngang tai trái mắt mà không thể làm gì được. Tâm trạng ấy đã khiến Nguyễn Khuyến tự coi mình cũng là một tiến sĩ giấy. | 2.25  0.75  0.75 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.25 |